

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày: 23-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Văn Tân**

Ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Trang Thị Cẩm N, sinh ngày 09/12/1988 tại Tiền Giang; Đăng ký thường trú và cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trang Minh Đ và bà Nguyễn Thị X; Bị cáo N có chồng tên Nguyễn Đức T, sinh năm 1987 ngụ cùng địa chỉ với bị cáo, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo được điều tra tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: **Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện T.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Văn N** – Chức vụ; Phó Trưởng Phòng phụ trách. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T; (xin vắng mặt)

+ Ông **Đoàn Văn N** – Chức vụ; Phó Trưởng Phòng phụ trách. Địa chỉ làm việc: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện T; (có mặt)

- + Ông **Nguyễn Tuấn H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh T; (có mặt)
- + Bà **Võ Thị Thúy H**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh T; (có mặt)
- + Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1949. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Tc, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1930. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Đinh Văn H**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Võ Phương B**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1950. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn M, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn M, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Bùi Thanh D**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)

- + Ông **Lê Thanh Q**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Võ Thị A**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Phạm Văn U**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Chị **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Ông **Lê Văn Út T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh T; (vắng mặt)
- + Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo **Trang Thị Cẩm N** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trang Thị Cẩm N được Chủ tịch UBND tỉnh T tiếp nhận công chức cấp xã thành công chức cấp huyện không qua thi tuyển đến nhận công tác tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện T, kể từ ngày 01/6/2018. Tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, công chức N được phân công nhiệm vụ: Phụ trách lĩnh vực chính sách người có công, kiêm thủ quỹ đơn vị; Quản lý Nhà bia ghi tên Liệt sĩ; ISO một cửa liên thông lĩnh vực người có công; Công tác tiếp dân- Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Công tác phòng chống tham nhũng; Xây dựng kế hoạch và các chương trình hành động trẻ em... và một số nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công.

Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020, công chức N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao chiếm đoạt tiền chi trả cho người được hưởng chế độ chính sách ưu đãi người có công, bằng thủ đoạn như sau: Do N đồng thời vừa là người tiếp nhận hồ sơ chế độ chính sách ưu đãi người có công từ các xã, thị trấn

chuyển đến, N đọc hồ sơ, thẩm định, tham mưu, báo cáo Trưởng phòng đưa vào quy trình để chi trả tiền cho đối tượng theo quy định; vừa là Thủ quỹ, vừa là người trực tiếp chi tiền cho các đối tượng nên N đã không gửi giấy báo lĩnh tiền cho người nhận tiền mà ký giả chữ ký, viết họ tên người nhận tiền trong Danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi một lần, hoàn chỉnh thủ tục giao cho cho Kế toán để quyết toán với Kho bạc theo quy định; N nhận tiền từ Kho bạc Nhà nước huyện T và chiếm đoạt.

Ngày 02/4/2021, UBND huyện T quyết định thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý tài chính, thực hiện chính sách và quản lý chi trả trợ cấp cho các đối tượng thụ hưởng tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện. Qua thanh tra kết luận: Với thủ đoạn nêu trên, công chức N đã chiếm đoạt số tiền 336.907.000đồng của 24 đối tượng được hưởng chính sách người có công và số tiền 44.700.000đồng của 03 đối tượng hưởng mai táng phí. Ngày 08/6/2021, Chủ tịch UBND huyện T chuyển hồ sơ vụ việc kiến nghị khởi tố đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T để xác minh, xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện T, Trang Thị Cẩm N đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 381.607.000đồng của 27 người được hưởng chế độ người có công với thủ đoạn như nêu trên. Cụ thể với 13 lần chiếm đoạt tiền, số tiền chiếm đoạt trong 01 lần ít nhất là 500.000đồng, nhiều nhất là 93.760.000đồng, như sau:

- Lần 1: Ngày 05/8/2019 chiếm đoạt tiền chi trả của Nguyễn Thị N sinh năm 1949, Lê Thị S, sinh năm 1952, Nguyễn Văn T, sinh năm 1930, Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1976, với tổng số tiền là 4.000.000đồng, mỗi người là 1.000.000đồng.

- Lần 2: Ngày 24/12/2019 chiếm đoạt tiền chi trả của Lê Thị H, sinh năm 1954 và Đinh Văn H, sinh năm 1967, với tổng số tiền là 29.800.000đồng, mỗi người là 14.900.000đồng.

- Lần 3: Ngày 17/4/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Võ Phương B, sinh năm 1976, với số tiền là 500.000đồng.

- Lần 4: Ngày 03/7/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Nguyễn Thị N, sinh năm 1950, Nguyễn Văn D, sinh năm 1967, Mai Thị L, sinh năm 1958, với tổng số tiền là 50.499.000đồng, trong đó của bà N là 35.099.000đồng, ông D là 500.000đồng, bà L là 14.900.000đồng.

- Lần 5: Ngày 04/8/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Trần Thị B, sinh năm 1958 và Lê Văn C, sinh năm 1969, với tổng số tiền là 40.735.000đồng, trong đó bà B là 18.806.000đồng, ông C là 21.929.000đồng.

- Lần 6: Ngày 03/9/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, với số tiền là 14.900.000đồng.

- Lần 7: Ngày 02/10/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Bùi Thanh D, sinh năm 1970, với số tiền là 17.765.000đồng.

- Lần 8: Ngày 09/10/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Phạm Văn C, sinh năm 1982, với số tiền là 14.900.000đồng.

- Lần 9: Ngày 02/11/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Phạm Thị M, sinh năm 1965, Võ Thị A, sinh năm 1965, Lê Thanh Q, sinh năm 1974, Phạm Văn U, sinh năm 1970, Nguyễn Văn N, sinh năm 1976, với tổng số tiền là 93.760.000đồng. Trong đó bà M là 9.110.000đồng, bà A là 20.372.000đồng, ông Q là 14.900.000đồng, ông U là 34.478.000đồng, ông N là 14.900.000đồng.

- Lần 10: Ngày 02/12/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Lê Văn G, sinh năm 1964, Võ Thị N, sinh năm 1985, Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1998, với tổng số tiền là 55.148.000đồng, trong đó, ông G là 12.027.000đồng, chị N là 23.333.000đồng, chị H là 19.788.000đồng.

- Lần 11: Ngày 24/12/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Trần Văn N, sinh năm 1967, với số tiền là 14.900.000đồng.

Đối với lần thứ 12 và 13, do nhầm lẫn trong công tác Trang Thị Cẩm N đã lập hồ sơ 02 lần để chiếm đoạt tiền của Nguyễn Thị Ngọc M, Lê Văn Út T, Bùi Thị T như sau:

- Lần 12: Ngày 17/02/2020 chiếm đoạt tiền chi trả của Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1989, với số tiền là 14.900.000đồng.

- Lần 13: Ngày 28/9/2020, chiếm đoạt tiền chi trả của Bùi Thị T, sinh năm 1961, và Lê Văn Út T, sinh năm 1973, với tổng số tiền 29.800.000đồng, mỗi người là 14.900.000đồng.

Tất cả các tài liệu mà Trang Thị Cẩm N ký giả chữ ký, viết họ tên của người nhận tiền trong danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi một lần đối với Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Phạm Thị M, Võ Thị A, Lê Thanh Q, Lê Văn G, Phạm Văn U, Mai Thị L, Phạm Văn C, Đinh Văn H, Lê Thị H, Lê Văn Út T, Võ Thị Np, Bùi Thị T, Phạm Thị Thanh H, Bùi Thanh D, Lê Thị S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Ngọc M, Võ Phương B, Nguyễn Ngọc L, để quyết toán, chiếm đoạt tiền như nêu trên là phù hợp với kết quả giám định chữ viết và chữ ký được thể hiện tại Kết luận giám định số 824/KTHS(Đ2) ngày 24/9/2021 và Kết luận giám định số 1189/KTHS(Đ2) ngày 31/12/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T.

Như vậy, Trang Thị Cẩm N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện 13 lần chiếm đoạt tổng số tiền 381.607.000đồng của Ngân sách Nhà nước do Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện T là chủ tài khoản. Thời điểm này do ông Nguyễn Văn T- Nguyên Trưởng phòng và ông Đoàn Văn N- Phó Trưởng phòng phụ trách là đại diện chủ tài khoản; Ông Nguyễn Tuấn H- Phó trưởng Phòng, được phân công thẩm định hồ sơ giải quyết chi trả trợ cấp ưu đãi một lần đối với người có công.

Về trách nhiệm dân sự: Trang Thị Cẩm N chiếm đoạt số tiền 381.607.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình thanh tra, N đã nộp lại đủ số tiền nêu trên cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện T để chi trả cho các đối tượng chính sách theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTP ngày 25/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với bị cáo Trang Thị Cẩm N về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định: Từ tháng 8 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020, tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện T, Trang Thị Cẩm N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là: Phụ trách lĩnh vực chính sách người có công, kiêm thủ quỹ đơn vị; Công tác tiếp dân- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, để thực hiện 13 lần chiếm đoạt 381.607.000 đồng tiền chi trả cho người được hưởng chế độ chính sách ưu đãi người có công mà bị cáo N có trách nhiệm quản lý. Vì vậy bị cáo Trang Thị Cẩm N phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Do đó có cơ sở xác định bị cáo Trang Thị Cẩm N đã phạm tội “Tham ô tài sản” theo Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 353; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trang Thị Cẩm N từ 05 đến 06 năm tù và bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, tình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trang Thị Cẩm N đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2020, bị cáo là cán bộ công chức tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện T. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là cán bộ phụ trách lĩnh vực chính sách người có công, kiêm thủ quỹ đơn vị; Công tác tiếp dân- Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Công tác phòng chống tham nhũng; Xây dựng kế hoạch và các chương trình hành động trẻ em..., bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, giả mạo chữ ký, viết họ tên người nhận tiền trong danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi một lần, để thực hiện 13 lần chiếm đoạt tiền của Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện T chi trả cho người được hưởng chế độ chính sách ưu đãi người có công mà bị cáo có trách nhiệm quản lý với số tiền chiếm đoạt là 381.607.000 đồng.

Lời thừa nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có liên quan trong vụ án. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, giả mạo chữ ký, viết họ tên người nhận tiền trong danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi một lần để nhiều lần chiếm đoạt tiền của bị hại, chiếm đoạt tài sản có giá trị 381.607.000 đồng và là tiền trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Trang Thị Cẩm N đã cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên bản cáo trạng số 19/CT-VKSTP ngày 25/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước truy tố bị cáo Trang Thị Cẩm N về tội danh và hình phạt đã nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, làm ảnh hưởng rất lớn đến chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực thi chủ trương, chính sách đến người được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước, gây sự hoài nghi của các đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp mà đáng lẽ ra phải được cấp phát đúng thời gian quy định, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang mang lo bị chiếm đoạt tài sản trong nhân dân. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng, hành vi lợi dụng sự tín nhiệm, lòng tin của lãnh đạo để dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản chất chạy lười lao động, chỉ muốn có tiền để tiêu xài bằng cách có ý định toan tính chiếm đoạt tài sản của người khác, nên bị cáo bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội với quyết tâm cao, có sự chuẩn bị, toan tính từ trước, lợi dụng chức vụ được phân công trong nhiều năm để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 381.607.000 đồng là có giá trị lớn, đó là số tiền ưu đãi đối với người có công với cách mạng, bị cáo có trách nhiệm chi trả nhưng bị cáo vẫn chiếm đoạt. Bị cáo là cán bộ công chức trong cơ quan Nhà nước, lẽ ra bị cáo phải học hỏi những điều hay lẽ phải và tích cực lao động để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng với bản chất tham lam, chạy lười lao động, thích hưởng thụ mà không phải bỏ ra công sức lao động

nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có thời gian giáo dục, cải tạo bản thân bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời để làm thức tỉnh những ai đang mang tư tưởng chiếm đoạt tài sản của người khác như bị cáo.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trang Thị Cẩm N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trang Thị Cẩm N sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc hậu quả do mình gây ra, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân không có tiền án, tiền sự, hiện đang nuôi con nhỏ, gia đình cũng hiện có hoàn cảnh khó khăn, đại diện cho bị hại và người có liên quan trong vụ án xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo Trang Thị Cẩm N đã có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nộp lại đủ số tiền nêu trên cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện T để chi trả cho các đối tượng chính sách theo quy định. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện T cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, Hội đồng xét xử có ghi nhận khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trang Thị Cẩm N đã phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Áp dụng Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 353; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trang Thị Cẩm N 05 (năm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí:

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trang Thị Cẩm N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, đại diện cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- CAND huyện Tân Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh